

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Ngày: 29/8/2020

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Mai Anh Tài.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 153/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6035/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Ông Trần Xuân H, sinh năm 1951 và bà Đinh Thị K, sinh năm 1952; đều có mặt.

Cùng trú tại: thôn Trù N, xã Hoàng Đ, huyện Hoàng H1, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Hoàng H1, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: thị trấn Bút S, huyện Hoàng H1, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q - Phó Chủ tịch; vắng mặt,
có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã Hoàng Đ, huyện Hoàng H1, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết D - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Cao Th - Công chức địa chính; có mặt.

2. Cu Lê Thi L, sinh năm 1925; văng mắt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1963; có mặt.

3. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1956; có mặt.

4. Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1967; có mặt.

5. Ông Trần H3, sinh năm 1963; có mặt.

Cùng trú tại: thôn Trù N, xã Hoằng Đ, huyện Hoằng H1, tỉnh Thanh Hóa.

6. Bà Trần Thị Ng1, sinh năm 1957; trú tại: thôn Dân S1, xã Thiệu Ch, huyện Thiệu H2, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K trình bày:*

Thửa đất số 432, tờ bản đồ 09 bản đồ địa chính xã Hoằng Đ, địa chỉ: thôn Trù N, xã Hoằng Đ, huyện Hoằng H1, tỉnh Thanh Hóa, tương ứng với thửa đất số 328 tờ bản đồ số 05 Bản đồ 299/TTg tại xã Hoằng Đ, có nguồn gốc là đất cha ông để lại, đến đời của bố mẹ ông là cụ Trần H4 (đã chết năm 1989) và cụ Lê Thị L cùng quản lý, sử dụng. Bố mẹ ông sinh được 05 người con là ông, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị Ng1, bà Trần Thị Th2 và ông Trần H3.

Năm 1970, ông kết hôn với bà Đinh Thị K, hai vợ chồng sống cùng cụ H4 và cụ L trên thửa đất số 432. Năm 1988, cụ H4 và cụ L cho vợ chồng ông bà quyền sử dụng thửa đất 432 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

Đầu năm 1989, bố ông là cụ Trần H4 chết, vợ chồng ông bà và mẹ đẻ của ông là cụ Lê Thị L cùng chung sống trên thửa đất trên. Khi ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng mới nhà ở, công trình phụ kiên cố trên thửa đất 432 thì mẹ ông và các chị em trong gia đình không có ý kiến phản đối. Ông bà quản lý, sử dụng đất liên tục, công khai, ổn định đến năm 2017 mà không có bất kỳ đơn thư khiếu nại nào về tranh chấp đất đai.

Năm 1995, vợ chồng ông bà đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hoằng H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên. Năm 2005, theo chủ trương của UBND xã Hoằng Đ, vợ chồng ông bà nộp lại GCNQĐĐ cấp năm 1995 để cấp đổi sang GCNQĐĐ theo mẫu mới. Năm 2006, UBND huyện Hoằng H1 cấp GCNQĐĐ mẫu mới cho vợ chồng ông bà.

Cuối năm 2017, cụ L làm đơn đề nghị thu hồi GCNQĐĐ do UBND huyện Hoằng H1 cấp năm 2006 cho vợ chồng ông bà và không thừa nhận việc đã tặng cho vợ chồng ông bà quyền sử dụng đất tại thửa 432. UBND huyện Hoằng H1 đã ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về việc thu hồi GCNQĐĐ mang tên ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K; Quyết định số

5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc hủy GCNQĐĐ mang tên ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K.

Vợ chồng ông bà không đồng ý với các quyết định thu hồi, hủy GCNQĐĐ do UBND huyện Hoằng H1 ban hành. Ông bà khẳng định việc bố mẹ ông đã cho vợ chồng ông bà quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 432 là có thực, bởi vậy, khi vợ chồng ông bà được cấp GCNQSDĐ, xây dựng công trình trên đất, quản lý, sử dụng đất trong thời gian dài không ai có ý kiến phản đối, khiếu kiện.

Vì vậy, ông bà đề nghị: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bỏ toàn bộ các quyết định hành chính, gồm: hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện Hoằng H1 về việc hủy GCNQSDĐ mang tên ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K; Hủy bỏ Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Hoằng H1 về việc thu hồi GCNQĐĐ mang tên Trần Xuân H và Đinh Thị K.

** Tại Văn bản số 1669/UBND-TNMT ngày 08/10/2019, UBND huyện Hoằng H1, tỉnh Thanh Hóa trình bày:*

Tháng 4/2018, UBND huyện Hoằng H1 nhận được đơn của cụ Lê Thị L đề nghị thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K đối với thửa đất số 432 tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính xã Hoằng Đ, diện tích 200m² đất ở nông thôn, GCNQSDĐ số vào sổ H 00201, số phát hành AĐ 987382, do UBND huyện Hoằng H1 cấp ngày 31/5/2006. Sau khi nhận được đơn, UBND huyện giao cho Phòng Tài nguyên Môi trường phối hợp với UBND xã Hoằng Đ kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã cấp cho ông H bà Kỳ. Ngày 03/5/2018, Phòng Tài nguyên Môi trường đã làm việc với UBND xã Hoằng Đ, ông Trần Xuân H, bà Đinh Thị K, cụ Lê Thị L, các thành phần liên quan để kiểm tra việc cấp GCNQSDĐ. Kết quả:

Theo hồ sơ 299/TTg xã Hoằng Đ lập năm 1987 là thửa số 328 tờ số 05 diện tích 180m², chủ sử dụng: Trần H4, tương ứng với Bản đồ địa chính lập năm 1995 là thửa số 432, tờ số 09 bản đồ địa chính xã Hoằng Đ, diện tích 228m² (đất ở), chủ sử dụng Trần H (con trai của cụ Trần H4).

Ông H không có một trong các loại giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất được xác lập trước ngày 15/10/1993 và ông cũng khẳng định không ký tên trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ năm 2006.

Cụ Lê Thị L vợ cụ Trần H4 trình bày thửa đất trên có nguồn gốc do bố mẹ cụ H4 để lại cho vợ chồng cụ, trong quá trình sử dụng, gia đình cụ chưa có văn bản chuyển nhượng tặng cho, thửa kế cho bất cứ ai trong gia đình.

Trên cơ sở hồ sơ cấp GCNQSDĐ và kết quả làm việc với các thành phần liên quan, Phòng Tài nguyên Môi trường xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông H bà K đối với thửa số 328 tờ bản đồ số 05 bản đồ địa chính xã Hoằng Đ là

không đúng đối tượng và đã kiến nghị UBND huyện Hoằng H1 thu hồi GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Ngày 16/5/2018, UBND huyện Hoằng H1 ban hành Thông báo số 108/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ.

Ngày 19/6/2018, UBND huyện Hoằng H1 ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ.

Không thực hiện theo Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Hoằng H1, gia đình ông H và bà K không giao nộp lại GCNQSDĐ đã cấp. Do vậy, ngày 30/8/2018, UBND huyện Hoằng H1 đã ban hành Quyết định số 5810/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông H và bà K.

** Tại Văn bản số 14/UBND-ĐC ngày 08/11/2019, UBND xã Hoằng Đ, huyện Hoằng H1, tỉnh Thanh Hóa trình bày:*

Theo hồ sơ 299/TTg lập năm 1987: Thửa đất số 328 tờ bản đồ 05, người sử dụng đất Trần H4 (chồng cụ Lê Thị L); tổng diện tích 180m² đất ở.

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1995: thửa đất số 432 tờ bản đồ số 09; người sử dụng đất Trần H, tổng diện tích 228m² đất ở.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa đất số 432 tờ bản đồ 09 (E48 08 138 f); số phát hành GCN: AĐ 987382; số vào sổ cấp H 00201, ngày cấp 31/5/2006. Người sử dụng đất: Trần Xuân H - Đinh Thị K; diện tích 200m² đất ở.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ lưu tại Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Hoằng H1: thửa đất số 432, tờ bản đồ 09 (E 48 08 138 f) số phát hành GCN: AĐ 987382; số vào sổ cấp H 00201, ngày cấp 31/05/2006; Người sử dụng đất: Trần Xuân H - Đinh Thị K, diện tích 200m² đất ở. Hồ sơ có 01 đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 biên bản kiểm tra hiện trạng, không có văn bản họp gia đình thống nhất phân chia quyền sử dụng đất.

Kết quả kiểm tra hồ sơ và làm việc với gia đình ông Trần Xuân H, thì ông H không có một trong các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất được xác lập trước ngày 15/10/1993 và ông H có ý kiến không ký tên trong các loại văn bản trong hồ sơ cấp giấy.

Cụ Lê Thị L vợ của cụ Trần H4 khẳng định thửa đất trên do bố mẹ cụ Trần H4 để lại cho vợ chồng cụ, sau khi cụ Trần H4 chết gia đình chưa có văn bản chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế cho bất kỳ ai trong gia đình.

Trên cơ sở hồ sơ cấp GCNQSDĐ và kết quả làm việc với cá nhân, các cấp có liên quan, UBND xã Hoằng Đ xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K đối với thửa đất 432 tờ bản đồ 09 bản đồ địa chính, xã Hoằng Đ lập năm 1995 (tương ứng thửa 328 tờ bản đồ 05 bản đồ 299/TTg lập năm

1987) là không đúng đối tượng và đề nghị UBND huyện Hoằng H1 xem xét giải quyết thu hồi GCNQSDĐ đã cấp không đúng quy định để gia đình phân chia di sản thừa kế và cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ Lê Thị L (ủy quyền cho bà Trần Thị Th1), bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị Th2, ông Trần H3, bà Trần Thị Ng1 đều thống nhất trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do bố mẹ đẻ cụ Trần H4 để lại cho cụ Trần H4 và cụ Lê Thị L sử dụng, năm 1988 (âm lịch) thì cụ H4 chết, trên mảnh đất đang tranh chấp, cụ L vẫn sinh sống cùng với bà Trần Thị Ng (con gái cụ H4 và cụ L, không lấy chồng). Năm 2017, cụ L muốn làm thêm một nhà vệ sinh để sử dụng, nhưng ông H và bà K không đồng ý, vì cho rằng thửa đất đã được UBND huyện Hoằng H1 cấp GCNQSDĐ cho ông H bà K, trong khi cụ L là vợ cụ H4, mẹ đẻ của ông H cùng các con của ông H4 không biết và cũng không có ý kiến. Việc UBND huyện Hoằng H1 ra quyết định thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ cấp cho ông H và bà K là đúng vì đất cấp không đúng đối tượng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 10/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 100; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hoằng H1 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Xuân H và Đinh Thị K và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Hoằng H1 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2020, người khởi kiện là ông Trần Xuân H, bà Đinh Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Trần Xuân H, bà Đinh Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, bà, hủy Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 và Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND huyện Hoằng H1, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của ông Hoàng, bà K, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H, bà K, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về thu hồi GCNQSDĐ và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về việc hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện Hoàng H1 đã cấp cho ông H bà K tại thửa đất số 432 tờ bản đồ 09 là quyết định của cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà K. Đơn khởi kiện của ông H và bà K nộp trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được, biết được các quyết định thu hồi và hủy bỏ GCNQSDĐ mà UBND huyện Hoàng H1 đã cấp cho ông H bà K ngày 31/5/2006, nên Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền Luật tố tụng hành chính.

Kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện Hoàng H1: Tháng 4/2018, UBND huyện Hoàng H1 nhận được đơn của cụ Lê Thị L đề nghị thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Xuân H, bà Đinh Thị K đối với thửa đất số 432, tờ bản đồ số 09 bản đồ địa chính xã Hoàng Đ, diện tích 200m² đất ở nông thôn, GCNQSDĐ số vào sổ H 00201, số phát hành AĐ 987382, do UBND huyện Hoàng H1 cấp ngày 31/5/2006. Sau khi nhận được đơn, UBND huyện Hoàng H1 giao cho Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Hoàng H1 phối hợp với UBND xã Hoàng Đ kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã cấp cho ông H bà K. Trên cơ sở hồ sơ cấp GCNQSDĐ và kết quả làm việc với các thành phần liên quan, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Hoàng H1 xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông H, bà K đối với thửa số 328, tờ bản đồ số 05 (năm 1987 - thửa 432 tờ bản đồ số 09 năm 1995) bản đồ địa chính xã Hoàng Đ là không đúng đối tượng và đã kiến nghị UBND huyện Hoàng H1 thu hồi GCNQSDĐ nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Ngày 16/5/2018, UBND huyện Hoàng H1 ban hành Thông báo số 108/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ.

Ngày 19/6/2018, UBND huyện Hoàng H1 ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ.

Không thực hiện theo Quyết định số 3869/QĐ-UBND, gia đình ông H, bà K không giao nộp lại GCNQSDĐ đã cấp. Do vậy, ngày 30/8/2018, UBND huyện Hoàng H1 đã ban hành Quyết định số 5810/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông H, bà K.

Theo khoản 2 Điều 106 Luật đất đai quy định: Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây: *d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, đối tượng sử dụng đất.* Theo quy định tại điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ: *Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định.* Theo quy định tại khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *Trường hợp thu hồi GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 4 điều này (điểm b khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2012 NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp giấy chứng nhận thì văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyết định hủy giấy chứng nhận đã cấp.*

Như vậy, việc UBND huyện Hoàng H1 ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về việc thu hồi GCNQSDĐ và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 về hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông H, bà K là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về căn cứ ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện Hoàng H1:

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc 200m² đất ở nông thôn, GCNQSDĐ số vào sổ H 00201, số phát hành AĐ 987382, do UBND huyện Hoàng H1 cấp ngày 31/5/2006 cho ông H, bà K là của cụ Trần H4 và cụ Lê Thị L. Theo hồ sơ 299/TTg xã Hoàng Đ lập năm 1987 là thửa số 328 tờ số 05 diện tích 180m², chủ sử dụng: Trần H4, tương ứng với bản đồ địa chính lập năm 1995 là thửa số 432, tờ số 09 bản đồ địa chính xã Hoàng Đ, diện tích 228m² (đất ở), chủ sử dụng Trần H (con trai của cụ Trần H4).

Ông Trần Xuân H không có một trong các loại giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất được xác lập trước ngày 15/10/1993 và tại phiên tòa ông cũng khẳng định không ký tên trong hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ năm 2006.

Ông Trần Xuân H cho rằng cụ Trần H4 và cụ Lê Thị L là bố mẹ đẻ của ông đã cho ông diện tích đất đang tranh chấp, nhưng chỉ cho bằng miệng không có văn bản giấy tờ gì. Trong quá trình giải quyết ông H cho rằng những người làm chứng gồm ông Nguyễn Ngọc Phái - nguyên Bí thư Chi bộ thôn thời kỳ 1991-1995, ông Vũ Đình An - nguyên Cán bộ giao thông thủy lợi giai đoạn 1990-2004, ông Nguyễn Ngọc Thoan - nguyên Cán bộ địa chính xã Hoàng Đ 1990-1999, ông Nguyễn Huy Bồng - nguyên Trưởng thôn Trù N 2000-2011 có đến nhà ông chứng kiến việc bố mẹ ông cho ông nhà đất, nhưng tại phiên tòa ông thừa nhận những người nói trên đến nhà ông để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông. Tuy nhiên những người nói trên không chứng kiến và cũng không làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho ông vào năm 1995. Trên mảnh đất 200m² mà ông H được cấp GCNQSDĐ năm 2006, cụ H4 và cụ L cùng các em của ông H đều sinh sống trên thửa đất đó, sau này các em của H xây dựng gia đình mới chuyển chỗ ở khác. Hiện nay, cụ L mẹ ông H và bà Ng em gái ông H vẫn ở trên nhà cũ và đất nói trên. Năm 2006, ông H được cấp GCNQSDĐ, đến năm 2009 ông H xây nhà hai tầng bê tông cốt thép trên một phần diện tích đất của cụ H4, cụ L.

Tháng 01/1989, cụ Trần H4 chết không để lại di chúc, do đó 1/2 giá trị đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của cụ L và 1/2 giá trị nhà đất là di sản thừa kế của cụ Trần H4; hàng thừa kế của cụ H4 gồm có: cụ L và các con (những người em của ông H - người liên quan trong vụ án). Không có bất kỳ tài liệu nào chứng minh cụ L và những người thừa kế của cụ H4 cho ông H nhà đất để ông H được UBND huyện Hoàng H1 cấp GCNQSDĐ năm 2006. Vì vậy, UBND huyện Hoàng H1 phát hiện GCNQSDĐ cấp cho ông H bà K năm 2006 là không đúng đối tượng nên đã ra thông báo, sau đó ra quyết định thu hồi, nhưng ông H bà K không chấp hành nên UBND huyện Hoàng H1 đã ra quyết định hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông H, bà K là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Về việc ông H cho rằng năm 1995, ông đã được UBND huyện Hoàng H1 cấp GCNQSDĐ đối với 200m² đất ở, đến năm 2006 ông nộp lại giấy cũ để được cấp lại theo mẫu mới: Tài liệu do UBND xã Hoàng Đ và UBND huyện Hoàng H1 cung cấp thì thể hiện năm 1995 trong sổ giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp GCNQSDĐ cho hộ nông dân thì ông H chỉ được giao 19 thửa đất đều là đất hai lúa và đất màu, không được giao đất ở, và hồ sơ lưu tại UBND xã Hoàng Đ và UBND huyện Hoàng H1 thể hiện năm 1995 ông H không được UBND huyện Hoàng H1 cấp giấy chứng nhận đất ở đối với diện tích đất ở 200m². Do đó, ông H cho rằng năm 2006 UBND huyện Hoàng H1 cấp đổi lại diện tích đất ở 200m² trên cơ sở GCNQSDĐ đã cấp năm 1995 là không có căn cứ.

Việc UBND huyện Hoàng H1 ban hành Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 và Quyết định số 5810/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông

H, bà K là đúng quy định của pháp luật, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà K như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, tuy nhiên ông H, bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2020/HC-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học